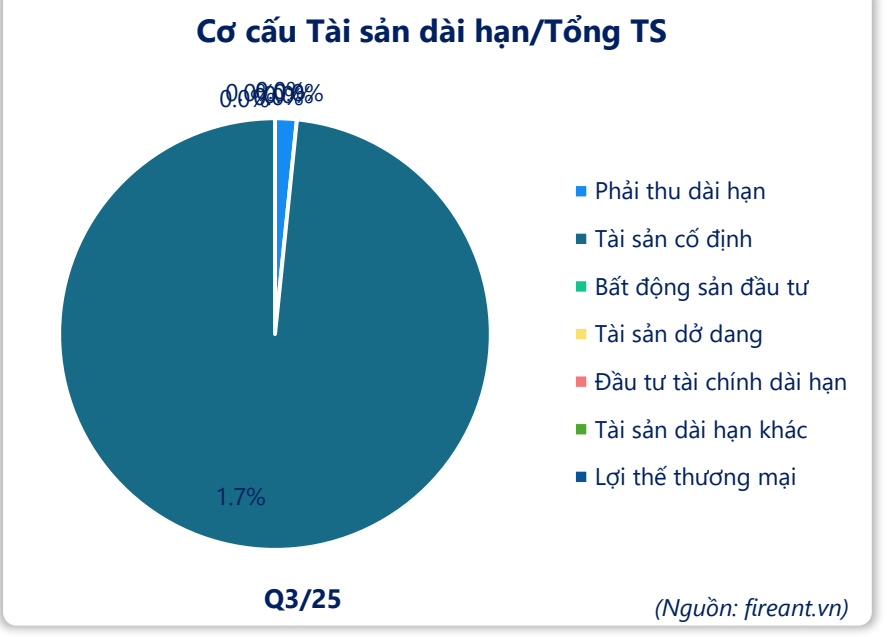
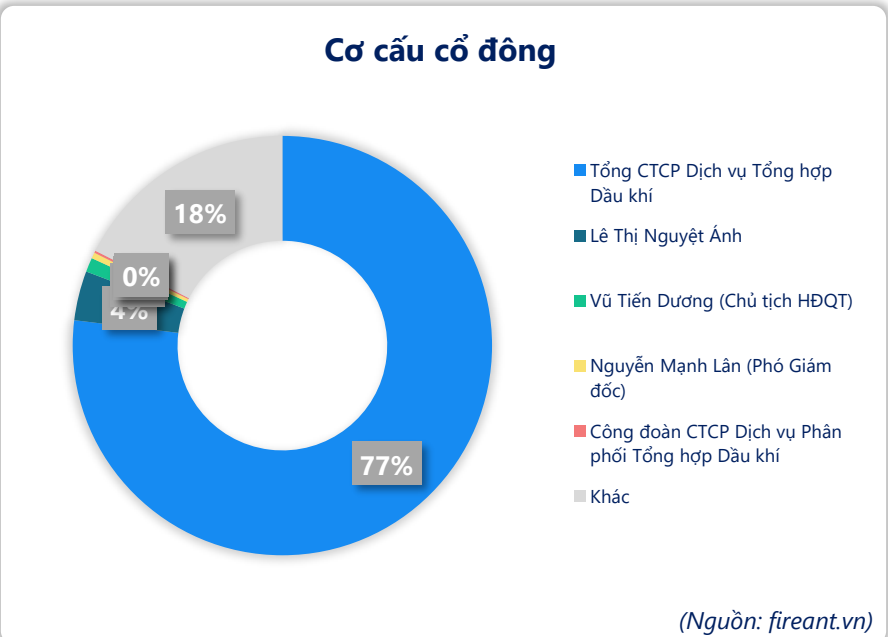
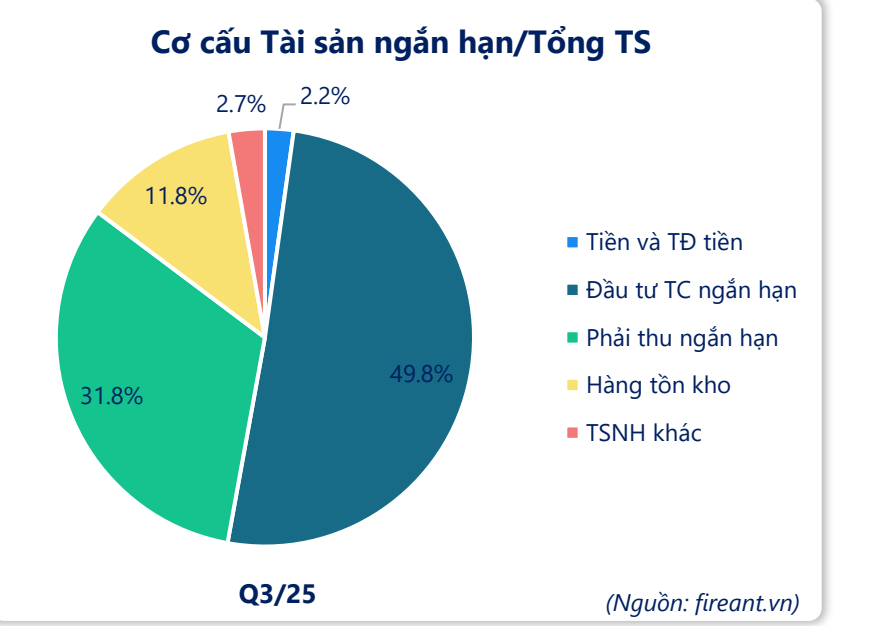
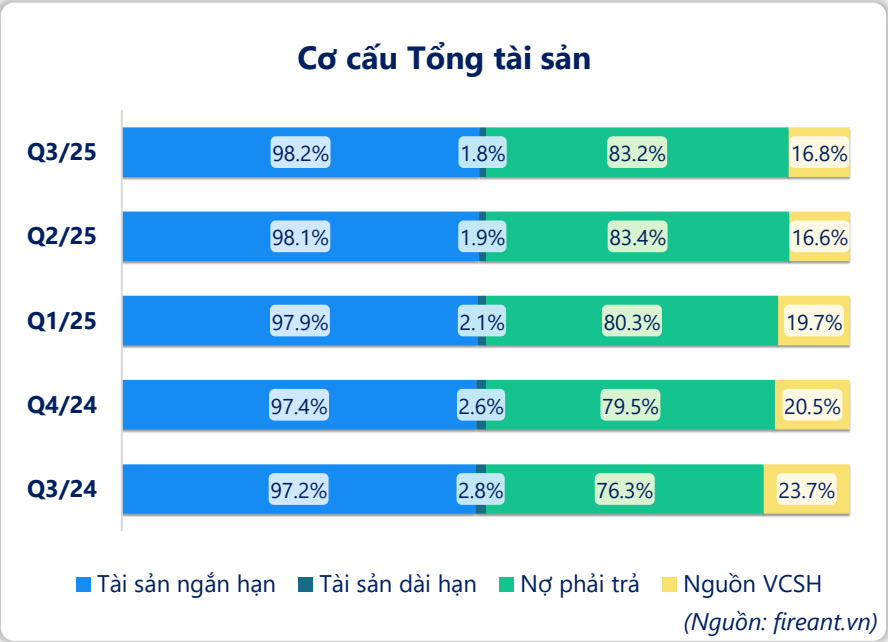
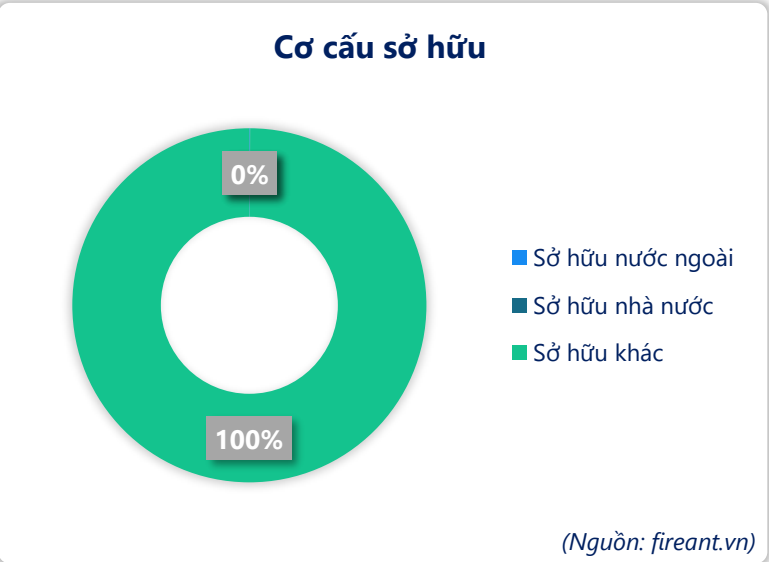
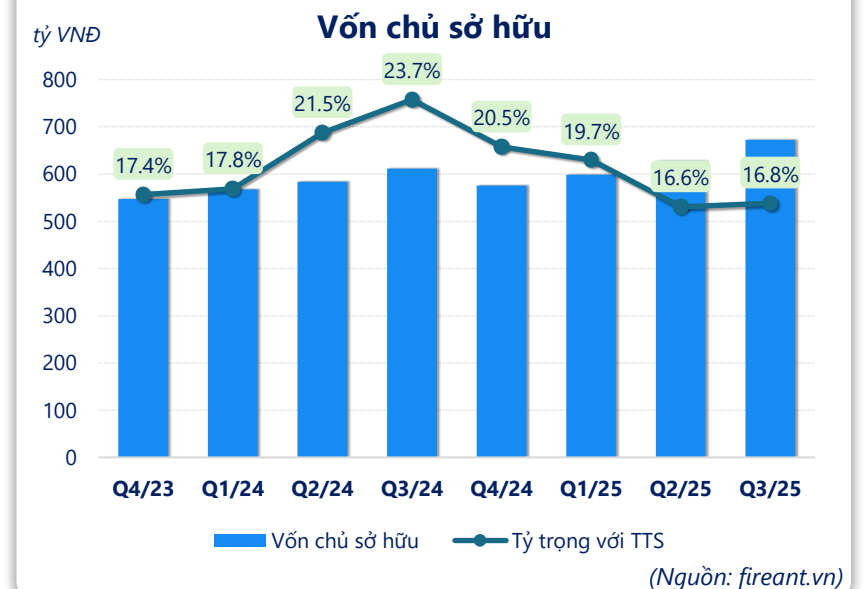
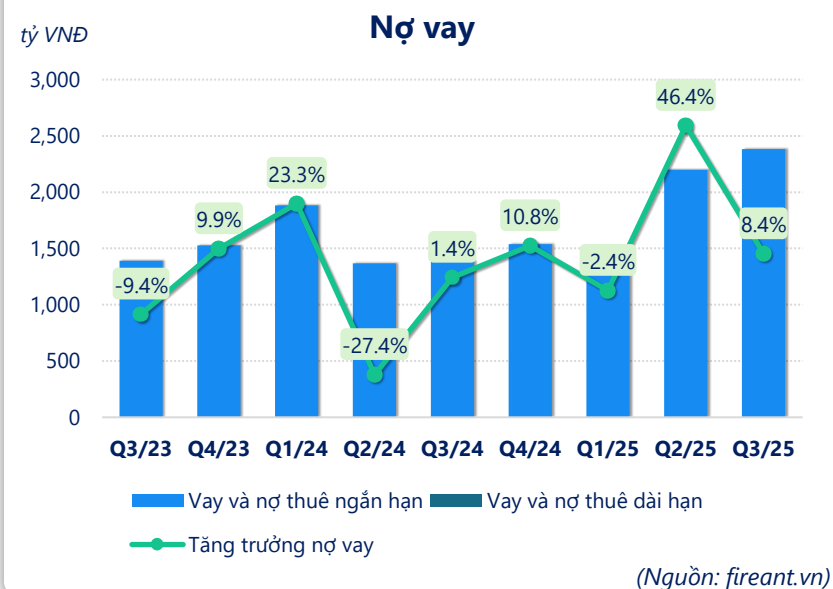
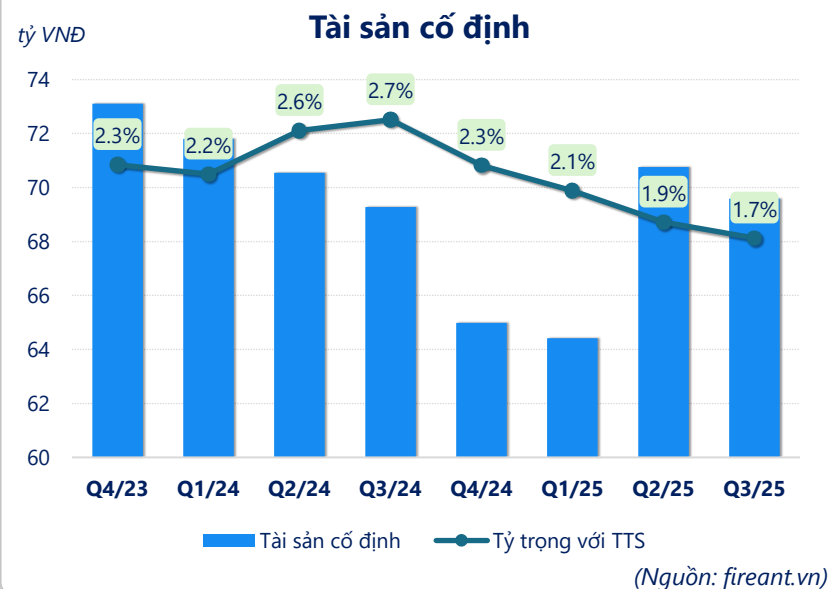
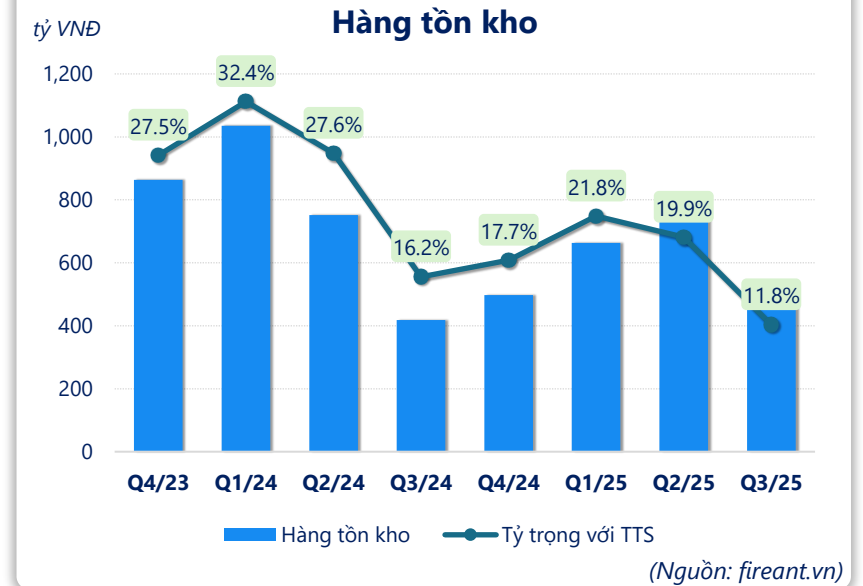
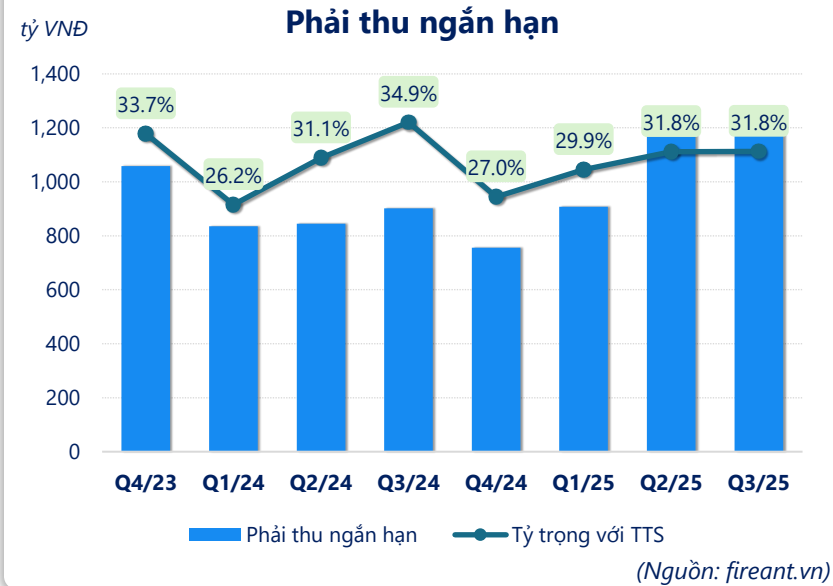
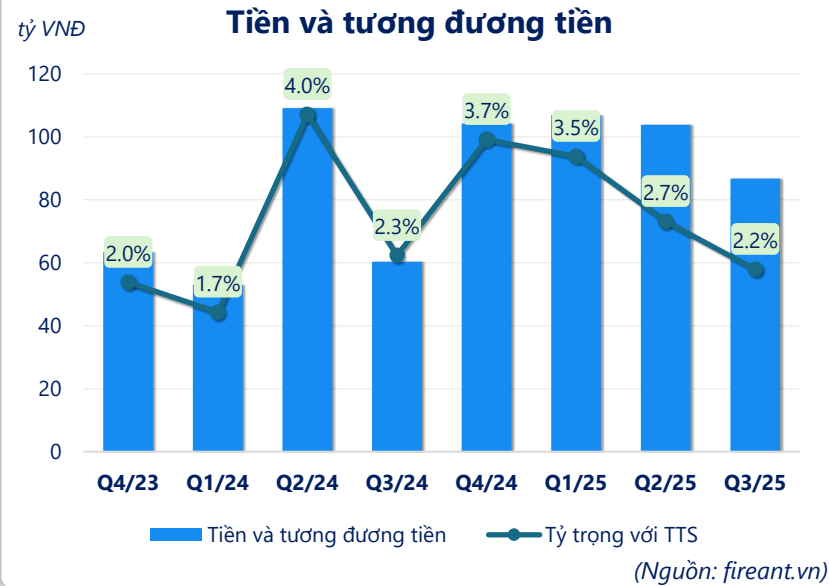
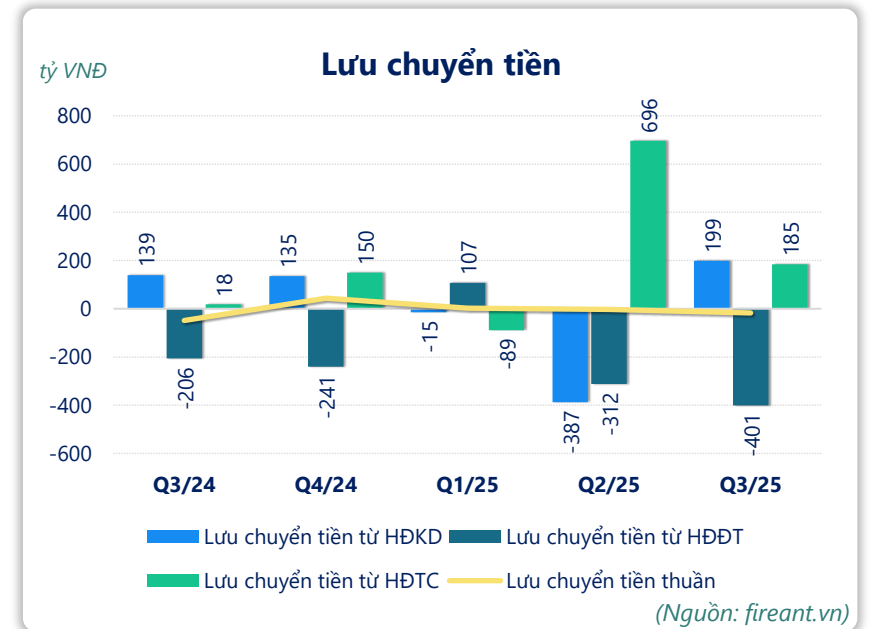
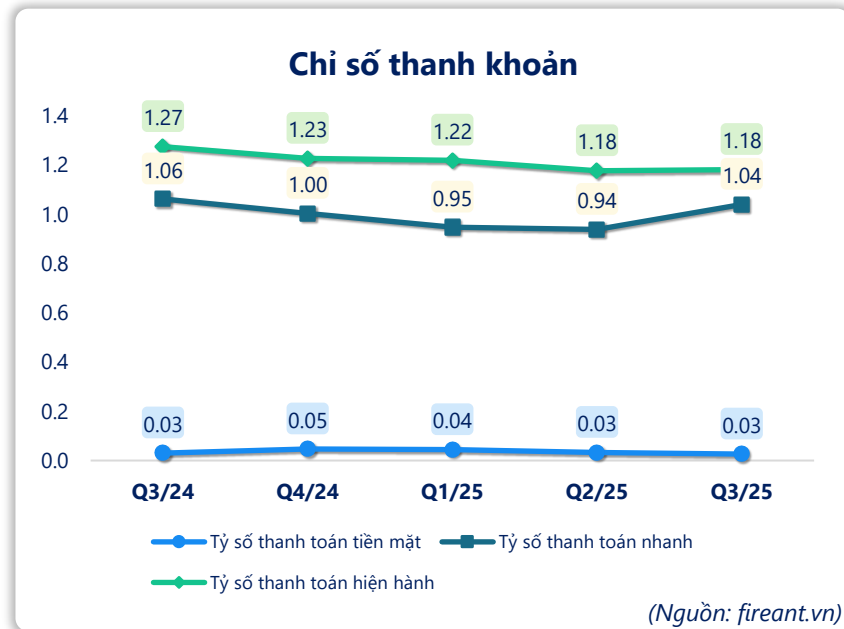
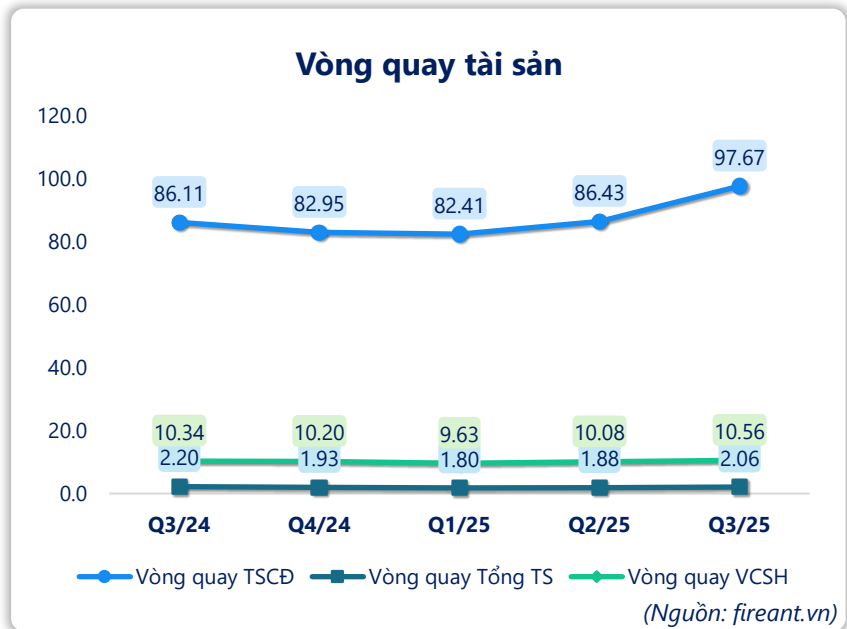
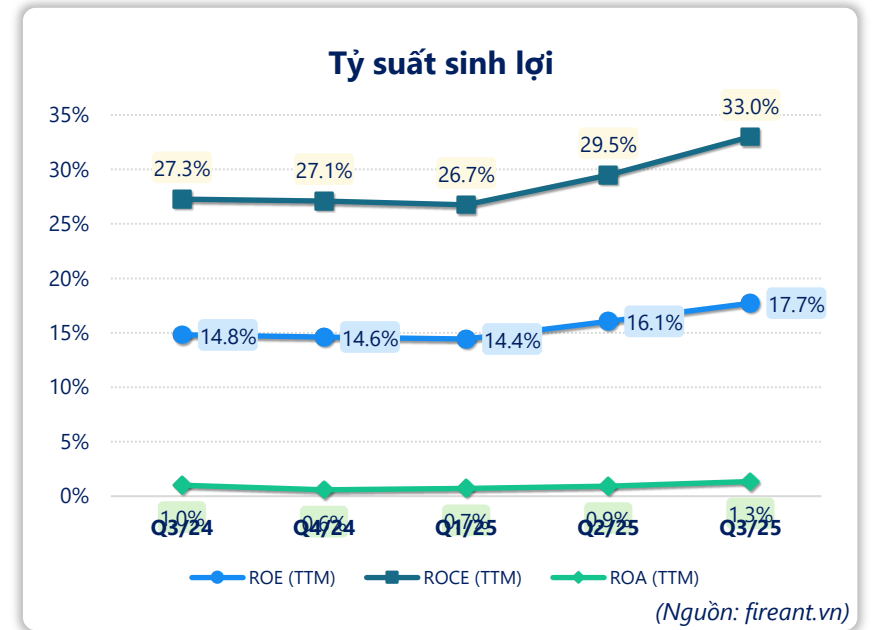
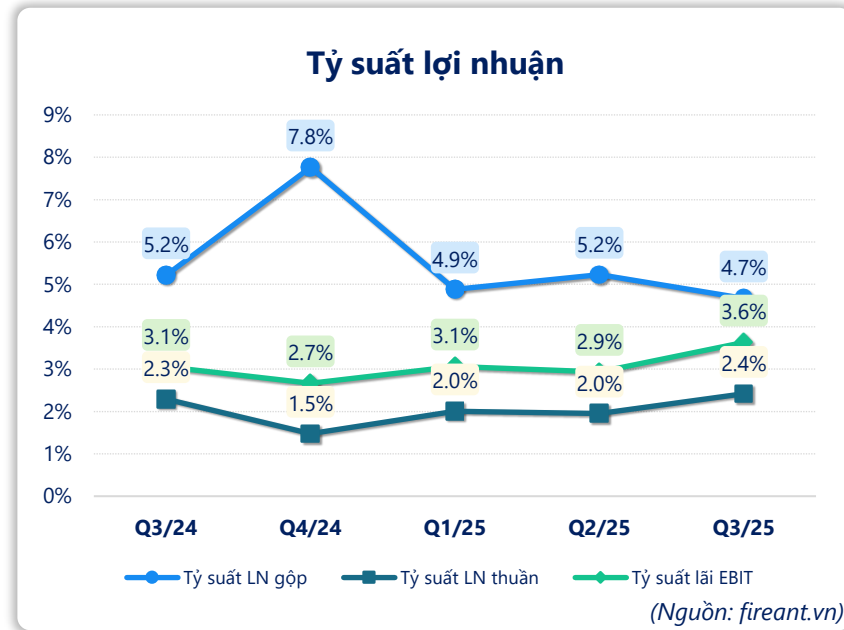
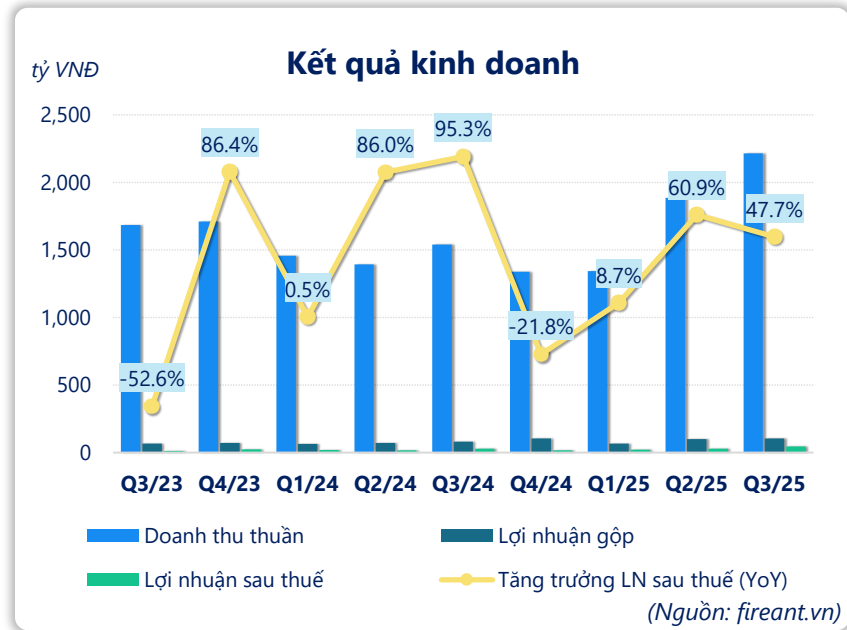


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		13,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		15,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		9,600
SL cổ phiếu LH		51,827,894
KLGD BQ 20 phiên (CP)		97,215
% sở hữu nước ngoài		0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		689
P/E		6.1
EPS		2,195

	YTD	1T	3T	6T
PSD	8.2%	-4.3%	11.8%	5.6%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	3,995	2,790	43.2%
Tài sản ngắn hạn	3,924	2,725	44.0%
Tiền và tương đương tiền	86.7	104	-16.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,988	1,271	56.4%
Phải thu ngắn hạn	1,271	723	75.7%
Hàng tồn kho	470	526	-10.6%
Tài sản ngắn hạn khác	110	101	8.9%
Tài sản dài hạn	70.7	65.5	7.9%
Phải thu dài hạn	1.15	0.04	2604%
Tài sản cố định	69.6	65.5	6.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0	0	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	3,323	2,214	50.1%
Nợ ngắn hạn	3,321	2,212	50.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,382	1,538	54.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	637	392	62.5%
Nợ dài hạn	1.85	2.28	-19.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	672	576	16.7%
Vốn chủ sở hữu	672	576	16.7%
Vốn điều lệ	518	518	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	1,540	1,338	1,343	1,886	2,215
Giá vốn hàng bán	1,459	1,234	1,277	1,787	2,111
Lợi nhuận gộp	80.3	104	65.5	98.6	103
Doanh thu HĐTC	27.0	22.6	23.4	32.7	47.3
Chi phí TC	11.7	19.6	12.9	21.0	23.9
Chi phí lãi vay	11.3	13.6	13.1	18.3	24.8
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	46.5	68.9	38.4	61.4	61.0
Chi phí QLDN	13.8	18.3	10.7	12.1	12.2
LN thuần từ HĐKD	35.3	19.8	26.9	36.8	53.6
Lợi nhuận khác	0.40	2.28	1.14	0.22	2.02
LN trước thuế	35.7	22.0	28.1	37.0	55.6
Lợi nhuận sau thuế	27.9	17.5	22.1	29.7	44.4
LNST của CĐ cty mẹ	27.9	17.5	22.1	29.7	44.4

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	139	135	-15.3	-387	199
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-206	-241	107	-312	-401
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	18.2	150	-89.2	696	185
Tiền đầu kỳ	109	60.4	104	107	104
Lưu chuyển tiền thuần	-48.8	43.8	2.72	-2.94	-17.2
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.05	0	-0.13	0.13
Tiền cuối kỳ	60.4	104	107	104	86.7

(Nguồn: fireant.vn)